

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

Bản án số: **268/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/3/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lài**

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà **Bùi Thị Bích Vân**

- Ông Hoàng Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yên** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 768/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171 ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Tú O**, sinh năm 1995 (*Có mặt*).

Nơi đăng ký thường trú: Tổ I, phường L, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Hộ N - Khu phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

*** Bị đơn:** Anh **Đình Viêt D**, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*).

Nơi đăng ký thường trú: Tổ I, phường L, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú O trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đình Viêt D kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 21 tháng 12 năm 2015 tại UBND phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường L, Thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào.

Sau khi kết hôn, anh chị chuyển về sinh sống tại tổ I, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là tổ I, phường L, Thành phố Hà Nội) cùng với bố mẹ đẻ của anh D. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau bình thường, hòa thuận, chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, có thể hòa giải được. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn kể từ tháng 01 năm 2023. Nguyên nhân của mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên nảy sinh cãi vã trong mọi mặt của cuộc sống. Ngoài ra, anh D sống không có trách nhiệm với gia đình, không tập trung đi làm để lo cho gia đình, con cái mà thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều người. Điều này dẫn đến việc gia đình đã phải bán nhà tại tổ I, phường L, Thành phố Hà Nội để trả nợ cho anh D và chuyển đi nơi khác thuê nhà để sinh sống. Sau khi bán nhà, gia đình đi thuê nhà ở nhiều nơi nhưng mỗi nơi chỉ ở một thời gian ngắn.

Do không thể chịu đựng được nữa, chị và anh D đã sống ly thân từ lâu, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống và kinh tế độc lập với nhau. Hiện nay, chị O không biết anh D ở đâu. Chị O đã cố gắng liên hệ nhiều lần với anh D để hỏi về nơi ở hiện nay nhưng anh D không nói và thời gian gần đây anh D chặn số của chị, cố tình không hợp tác và không nói về nơi ở hiện nay của anh D.

Đến nay, chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị O đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để chị ổn định cuộc sống và nuôi con.

Chị O đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và đưa vụ án của chị ra xét xử để chị sớm ổn định cuộc sống và nuôi con.

- Về con chung: Chị O xác nhận chị và anh D có một con chung là cháu Đình Quang A, sinh ngày 03/8/2017. Hiện nay, con chung sức khỏe bình thường và đang sinh sống ổn định cùng với chị tại hộ Ngô Văn H – Khu phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Khi ly hôn, chị O xin được nuôi con chung là cháu Quang A do cháu còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Hơn nữa, chị O cũng có đủ điều kiện về kinh tế để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị O xác nhận không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị O xác nhận không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị O tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn là anh Đình Viết D:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, anh Đinh Viết D có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ tổ I, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là tổ I, phường L, Thành phố Hà Nội). Chị Nguyễn Thị Tú O trình bày: Anh chị đã sống ly thân với nhau từ lâu, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nên chị O không biết nơi ở hiện nay của anh D ở đâu. Chị O đã cố gắng liên hệ nhiều lần nhưng anh D không nói nơi ở và gần đây anh D chặn số của chị, cố tình không hợp tác và không nói về nơi anh sinh sống hiện nay. Do đó, chị O đề nghị Tòa án xác minh về nơi ở hiện nay của anh D do chị không thể xác định được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về địa chỉ nơi cư trú của anh D tại nơi có đăng ký hộ khẩu thường trú. Qua làm việc, đồng chí Cảnh sát khu vực – Công an phường L cung cấp: Anh Đinh Viết D có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ tổ I, phường L, Thành phố Hà Nội nhưng gia đình anh D hiện đã bán nhà, chuyển đi sinh sống nơi khác và không thông báo nên Công an không biết nơi ở mới của anh D.

Để đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng (bao gồm thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) đối với anh D nhưng anh D vẫn không lên Tòa để làm việc. Do đó, trong hồ sơ vụ án, Tòa án không thu thập được lời khai của anh D.

*** Theo đơn đề nghị của cháu Đinh Quang A (Con chung của chị Nguyễn Thị Tú O và anh Đinh Viết D) trình bày:** Cháu Quang A hiện đang học lớp 3 và sinh sống tại địa chỉ hộ N - Khu phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Khi bố mẹ ly hôn, cháu Quang A xin được ở với mẹ vì bố cháu không liên lạc với cháu bao giờ.

*** Tại phiên tòa hôm nay**

- Chị Nguyễn Thị Tú O vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đinh Viết D. Về con chung: Chị O xác nhận chị và anh D có một con chung là Đinh Quang A, sinh ngày 03/8/2017. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Quang A. Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về các khoản nợ chung: Chị O xác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Đinh Viết D đã được Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa hôm nay.

*** Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội có quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú O đối với anh Đinh Viết D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú O về việc xin ly hôn với anh Đinh Viết D. Xử cho chị O được ly hôn với anh D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Quang A cho chị Nguyễn Thị Tú O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tú O có đơn xin ly hôn đối với anh Đinh Viết D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ I, phường L, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vẫn không hòa giải để đoàn tụ được. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 04/02/2026, Tòa án đã niêm yết Quyết định xét xử đúng theo quy định của pháp luật đối với anh Đinh Viết D nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử đã căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, khoản 2 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 04 tháng 3 năm 2026. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật đối với anh Đinh Viết D nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đinh Viết D.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú O và anh Đinh Viết D kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 21 tháng 12 năm 2015 tại UBND phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường L, Thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị O trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Sau khi kết hôn, anh chị chuyển về sinh sống tại tổ I, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là phường L, Thành phố Hà Nội) với bố mẹ đẻ của anh D. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc, chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, có thể hóa giải được. Tuy nhiên, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kể từ tháng 01 năm 2023. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh D chơi bời, sống không có trách nhiệm, không lo toan cho gia đình, nợ nần nhiều người. Gia đình đã phải bán nhà để trả nợ cho anh D và chuyển đi thuê nhà ở nhiều nơi để sinh sống. Do không thể chịu đựng được, chị O và anh D đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống và kinh tế độc lập với nhau.

Xét thấy cuộc hôn nhân muốn có hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, hai vợ chồng phải chung sống cùng nhau, quan tâm và thương yêu chăm sóc nhau. Căn cứ vào lời trình bày của chị O thể hiện, anh D sống không có trách nhiệm, không lo toan cho gia đình, thường xuyên chơi bời, dẫn đến nợ nần nhiều người. Gia đình đã phải bán nhà để trả nợ cho anh D, sau đó đi thuê nhiều nơi để sinh sống. Điều này dẫn đến cuộc sống của gia đình bị ảnh hưởng. Hơn nữa, anh chị cũng đã sống ly thân từ lâu, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống và kinh tế độc lập với nhau, thời gian gần đây anh chị không liên lạc với nhau do anh D chặn số của chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến

hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng anh D vắng mặt không có lý do các phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tú O và anh Đinh Viết D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị O xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O, xử cho chị Nguyễn Thị Tú O được ly hôn với anh Đinh Viết D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị O xác nhận có một con chung cháu Đinh Quang A, sinh ngày 03/8/2017. Khi ly hôn, chị O có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quang A do cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Hơn nữa, chị O cũng có đủ điều kiện về kinh tế để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Khi xem xét, đánh giá việc giao các con chưa thành niên cho người cha hay người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét đánh giá khách quan, đảm bảo về quyền lợi chính đáng của con chung vì việc nuôi và chăm sóc con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện nay, cháu Quang A đang sinh sống ổn định cùng với chị O tại hộ Ngô Văn H, Khu phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, chị Nguyễn Thị Tú O là người có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, nếu con trên 7 tuổi thì cũng cần xem xét nguyện vọng của con khi quyết định giao con cho bố hay mẹ nuôi. Tại đơn đề nghị, cháu Quang A bày tỏ mong muốn được ở cùng với mẹ bởi bố cháu không liên lạc gì với cháu trong thời gian qua. Xét thấy, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh D không lên Tòa án, không trình bày mong muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Quang A cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Dũng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Tú O được ly hôn với anh Đinh Viết D.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị Tú O và anh Đinh Viết D có một con chung là cháu Đinh Quang A, sinh ngày 03/8/2017. Giao con chung là cháu Đinh Quang A cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đinh Viết D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tú O không yêu cầu anh Đinh Viết D cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đinh Viết D kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Nguyễn Thị Tú O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tú O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai số 0017969 ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị Tú O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Tú O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đinh Viết D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội (Nay là UBND phường Lĩnh Nam, TP Hà Nội);
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại